

Thang đo sức mạnh thị trường



26 Tháng Tư 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,215.77	-2.62	4.61	56.54
HNX	280.68	-1.04	3.59	162.46
UPCOM	79.42	-1.21	-0.54	53.74
MSCI EM	1,353.02	0.86	3.48	53.86
NIKKEI	29,126.23	0.36	-0.17	51.21
HANG SENG	28,952.83	-0.43	2.18	21.49
KOSPI	3,217.53	0.99	5.80	70.33
FTSE	6,944.62	0.09	3.03	20.73
S&P 500	4,180.17	1.09	5.17	47.36
NASDAQ	14,016.81	1.44	6.68	62.33

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.40	2.53	13.90
SET INDEX	38.96	1.70	4.34
JCI INDEX	25.34	1.52	4.66
PCOMP INDEX	28.35	1.57	5.75

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.19	1	8	-116
10 năm	2.34	-1	-5	-79

Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,051	0.04	0.11	1.84
US\$/KRW	1,113	0.40	1.45	10.14
US\$/JPY	108	0.20	1.83	-0.39
US\$/EUR	0.83	0.02	-2.49	-10.47
US\$/GBP	0.72	-0.33	-0.95	-10.71
US\$/SGD	1.33	0.13	1.54	7.06

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1	TB 1 năm
VN-INDEX	770	708	376
HNX	102	129	50
UPCOM	38	47	24

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Điều chỉnh có phải là cơ hội?

Mở cửa tuần, tâm lý lo sợ dịch Covid-19 có thể bùng phát một lần nữa trong mùa nghỉ lễ sắp tới đã khiến cho VN-Index chịu áp lực bán tháo mạnh ghi nhận mức giảm hơn 30 điểm đóng cửa ở mốc 1,215 điểm (-2,62% DoD).

Nhóm cổ phiếu họ Vin-group tác động mạnh lên chiều giảm của VN-Index khi VIC, VCB và VHM lần lượt tác động 6,1 điểm; 5,3 điểm và 4,7 điểm. Chiều ngược lại, NVL là mã hỗ trợ tích cực vào chiều tăng điểm khi đóng góp 2 điểm vào chiều tăng.

Diễn biến của NVL đi ngược lại với chiều giảm chung của thị trường khi đóng cửa ở mức cao nhất trong lịch sử, tăng trần 7% trong phiên hôm nay, đóng cửa ở mốc 114,400 đồng/ cổ phiếu với khối lượng khớp lệnh đạt hơn 2,5 triệu cổ phiếu.

Khối ngoại mua ròng hơn 110 tỷ trên cả 2 sàn HSX, và HNX. Đây là điểm sáng hiếm hoi của thị trường khi vị thế bán ròng của khối ngoại có phần thay đổi chuyển sang vị thế mua ròng trong 2 phiên gần nhất. Giá trị mua ròng hôm nay tập trung nhiều ở 2 mã NVL và PDR với giá trị mua ròng lần lượt là 98 tỷ và 53 tỷ. Ở chiều ngược lại, VPB là mã bán ròng mạnh nhất với giá trị đạt hơn 269 tỷ.

Với diễn biến giảm điểm mạnh trong phiên hôm nay khiến cho điểm số đánh giá VN-Index của chúng tôi tiếp tục duy trì mức đánh giá TIÊU CỰC với điểm số -5 điểm.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	2	TRUNG TÍNH
Kospi	2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-2	TRUNG TÍNH
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

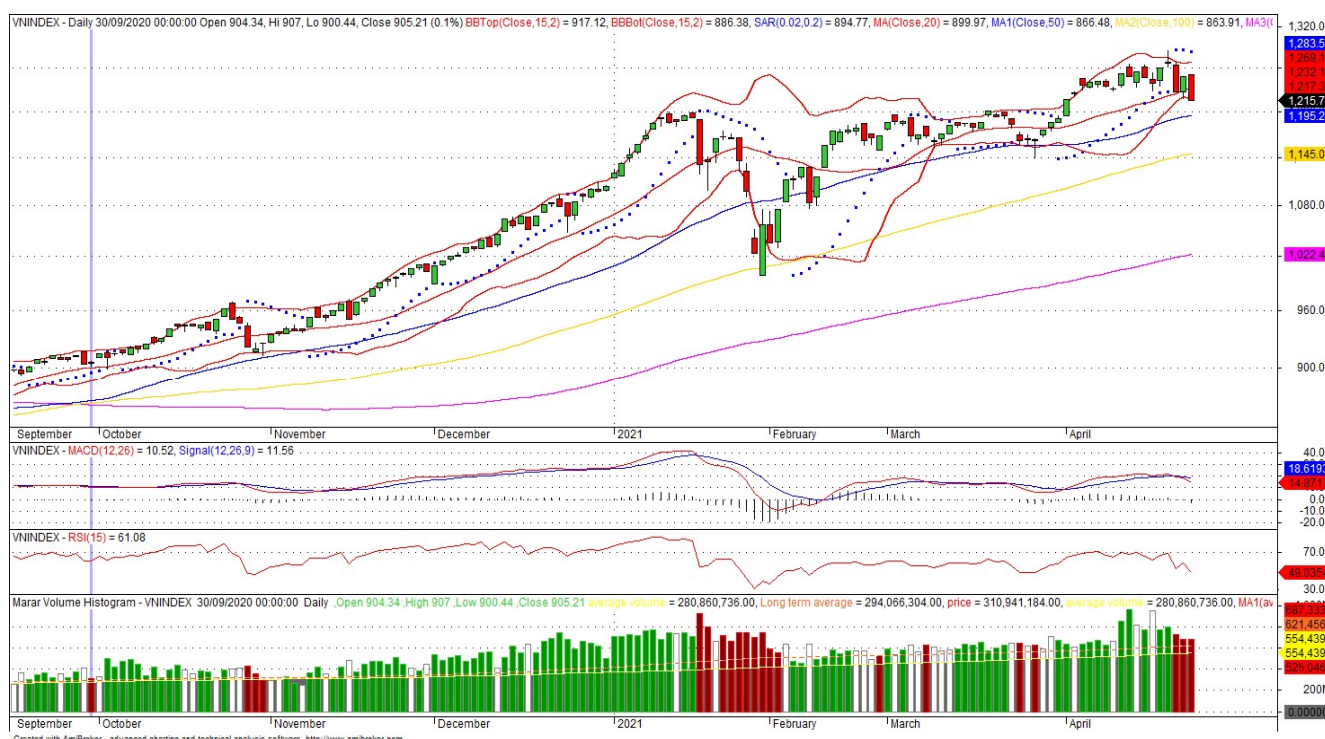
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-5	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-3	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (26/04/2021)	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	1.400
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	1.150
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	1.100

Sau phiên hồi, VN-Index phiên hôm nay đóng cửa ở dưới ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn MA20 ngày. Việc này, cho thấy nhịp điều chỉnh vẫn đang tiếp tục và sẽ về những vùng hỗ trợ thấp hơn

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

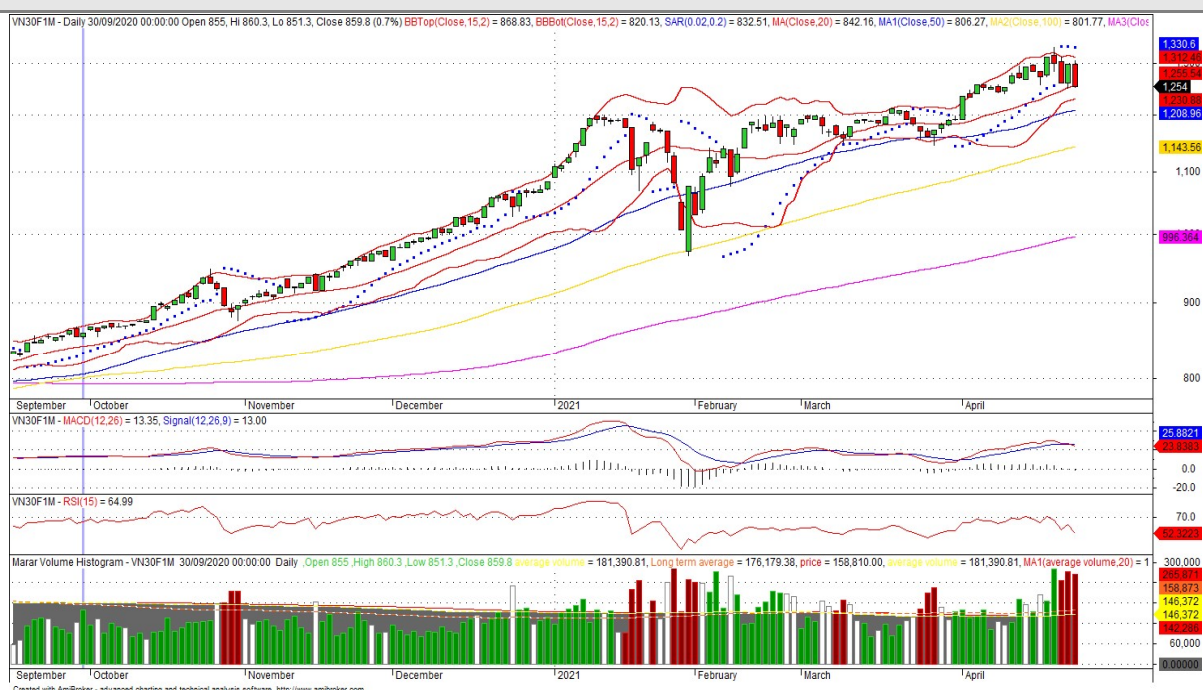
CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (26/04/2021)	1.254	Kháng cự 1	1.300
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.400
VN30 - đóng cửa	1.271	Hỗ trợ 1	1.150
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-21.03	Hỗ trợ 2	1.100

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-5	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-2	TIÊU CỰC

VN30F1M ghi nhận phiên giảm hơn 40 điểm trong phiên hôm nay tiếp cận ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn MA 20 ngày.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(VNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16	4,593,530	-7	TIÊU CỰC	3,548	11.5	1.0
ACB	33.3	7,672,505	-4	TIÊU CỰC	71,980	8.3	1.9
AMD	7.26	11,901,620	0	TRUNG TÍNH	1,187	46.8	0.6
ART	9.1	9,065,315	-7	TIÊU CỰC	882	33.7	0.8
ASM	14.15	2,588,715	-7	TIÊU CỰC	3,663	7.6	0.8
BID	40.5	3,621,820	-7	TIÊU CỰC	162,892	23.3	2.1
BSR	14.9	14,144,035	-6	TIÊU CỰC	46,197	#N/A N/A	1.5
BVH	57.4	1,075,655	-7	TIÊU CỰC	42,609	27.5	2.1
CEO	9.5	6,713,435	-7	TIÊU CỰC	2,445	#N/A N/A	0.8
CII	20.25	3,093,885	-7	TIÊU CỰC	4,836	19.7	1.0
CTD	64.1	645,020	-7	TIÊU CỰC	4,762	15.4	0.6
CTG	39.7	15,596,580	-6	TIÊU CỰC	147,819	10.8	1.7
CTR	83.8	509,615	-5	TIÊU CỰC	6,015	21.5	5.7
DBC	53.8	1,808,525	-7	TIÊU CỰC	5,636	3.9	1.2
DCM	15.5	3,293,160	-7	TIÊU CỰC	8,206	15.2	1.3
DGC	68.5	600,710	0	TRUNG TÍNH	10,190	10.8	2.5
DGW	110.9	279,300	-7	TIÊU CỰC	4,769	17.8	4.1
DIG	26.8	3,700,225	-7	TIÊU CỰC	9,294	12.8	2.0
DLG	3.21	15,721,765	-2	TRUNG TÍNH	961	#N/A N/A	0.4
DPM	18.6	1,713,595	-5	TIÊU CỰC	7,279	10.5	0.9
DRC	26.3	1,404,615	-7	TIÊU CỰC	3,124	11.1	1.8
DXG	22.55	7,700,735	-3	TRUNG TÍNH	11,687	#N/A N/A	1.8
EIB	26.15	1,487,975	-2	TRUNG TÍNH	32,150	30.0	1.9
FIT	9.92	4,804,870	-7	TIÊU CỰC	2,527	44.8	0.8
FLC	11.7	38,305,660	-2	TRUNG TÍNH	8,307	51.9	0.9
FPT	81	2,270,300	-2	TRUNG TÍNH	63,918	17.2	3.8
FRT	26.8	1,740,725	-7	TIÊU CỰC	2,117	85.6	1.7
GAS	81.5	890,390	-7	TIÊU CỰC	155,987	19.9	3.2
GEX	25.8	8,057,810	-6	TIÊU CỰC	12,597	15.3	1.8
GMD	33	2,563,695	-4	TIÊU CỰC	9,945	28.7	1.7
GVR	23.7	2,966,270	-4	TIÊU CỰC	94,800	25.1	2.0
HAG	5.33	13,003,775	-6	TIÊU CỰC	4,943	#N/A N/A	1.0
HAI	5.39	8,527,295	0	TRUNG TÍNH	985	121.4	0.5
HBC	15.7	5,981,945	-7	TIÊU CỰC	3,625	42.0	1.0
HCM	30.1	4,178,870	-6	TIÊU CỰC	9,182	12.2	1.9
HDB	26.5	4,663,330	-6	TIÊU CỰC	42,235	8.6	1.7
HDG	38.6	995,480	-4	TIÊU CỰC	5,955	6.3	2.0
HHS	6.8	6,628,870	-6	TIÊU CỰC	1,868	6.4	0.5
HNG	11.5	14,778,240	-4	TIÊU CỰC	12,748	590.4	1.5
HPG	55.1	23,062,580	-2	TRUNG TÍNH	182,562	13.6	3.1
HPX	32.8	1,011,005	-6	TIÊU CỰC	8,675	101.0	2.7
HQC	4.08	23,893,060	-4	TIÊU CỰC	1,945	202.6	0.4
HSG	30.2	9,294,150	-2	TRUNG TÍNH	13,428	8.9	1.9
HUT	5.9	8,089,080	-7	TIÊU CỰC	1,585	#N/A N/A	0.5
HVN	28.8	1,147,570	-7	TIÊU CỰC	40,847	#N/A N/A	6.5
IDC	32.8	3,478,945	-5	TIÊU CỰC	9,840	32.3	2.7
IJC	25.7	3,749,920	-2	TRUNG TÍNH	5,579	8.4	1.7
ITA	7.17	20,846,596	-5	TIÊU CỰC	6,728	38.2	0.6
KBC	37.5	5,094,520	-4	TIÊU CỰC	17,616	78.5	1.8
KDC	51.6	1,134,615	-6	TIÊU CỰC	11,803	38.4	2.0
KDH	34.5	2,881,270	4	KHẢ QUAN	19,279	16.9	2.4
KLF	6.1	14,942,835	0	TRUNG TÍNH	1,009	#N/A N/A	0.6

KSB	26.6	1,416,115	-7	TIÊU CỰC	1,772	6.2	1.1
LCG	12.7	2,978,540	-7	TIÊU CỰC	1,464	4.7	0.8
LDG	7.52	11,074,510	-7	TIÊU CỰC	1,801	121.2	0.6
LPB	20.7	14,369,140	5	KHẢ QUAN	22,245	11.9	1.6
MBB	29.6	18,115,616	-6	TIÊU CỰC	82,843	10.0	1.7
MBS	23.1	2,091,410	-6	TIÊU CỰC	3,796	11.1	1.8
MSN	95	3,015,245	-2	TRUNG TÍNH	111,595	90.1	7.0
MWG	142.5	991,155	4	KHẢ QUAN	67,749	16.5	4.2
NKG	24.75	4,740,720	-4	TIÊU CỰC	4,257	7.4	1.2
NLG	35	1,428,880	-2	TRUNG TÍNH	9,984	8.7	1.5
NVB	17.1	6,014,750	-2	TRUNG TÍNH	6,956	5,739.6	1.6
NVL	114.4	2,854,605	7	KHẢ QUAN	113,374	28.8	4.4
PDR	74.2	3,687,290	5	KHẢ QUAN	36,119	27.5	6.8
PET	19.65	2,019,465	-7	TIÊU CỰC	1,642	10.7	1.1
PHR	51.9	587,210	-4	TIÊU CỰC	7,032	7.3	2.2
PLX	49.95	1,243,840	-7	TIÊU CỰC	62,128	69.1	2.9
PNJ	95	649,295	0	TRUNG TÍNH	21,600	19.1	3.8
POW	12.1	16,079,690	-7	TIÊU CỰC	28,337	12.0	1.0
PVD	19.15	6,132,995	-7	TIÊU CỰC	8,065	47.0	0.6
PVS	19.4	10,091,870	-7	TIÊU CỰC	9,273	14.9	0.8
PVT	16	3,209,885	-7	TIÊU CỰC	5,178	7.7	1.1
ROS	7.17	43,137,500	-2	TRUNG TÍNH	4,070	6,807.1	0.7
S99	23.4	1,640,280	-4	TIÊU CỰC	1,227	6.8	1.5
SBT	20.55	3,050,615	-4	TIÊU CỰC	12,683	21.7	1.6
SCR	8.27	6,650,055	-6	TIÊU CỰC	3,030	16.1	0.6
SHB	27.1	28,092,284	-4	TIÊU CỰC	47,439	17.2	2.0
SHS	27	10,700,550	-6	TIÊU CỰC	5,596	5.7	1.5
SSI	31.7	14,023,185	-7	TIÊU CỰC	20,474	15.1	1.9
STB	22.55	43,279,996	-4	TIÊU CỰC	40,672	15.2	1.4
TCB	39.45	11,084,105	-7	TIÊU CỰC	138,269	11.2	1.9
TCH	21.5	8,710,945	-6	TIÊU CỰC	8,050	8.4	1.5
TIG	14.1	2,755,205	2	TRUNG TÍNH	1,282	17.6	1.2
TLH	15.1	2,829,310	0	TRUNG TÍNH	1,520	20.0	1.0
TNG	21.3	2,286,865	-6	TIÊU CỰC	1,694	10.4	1.4
TPB	27.15	4,968,515	-4	TIÊU CỰC	28,009	7.1	1.6
TTF	6.58	8,481,580	-7	TIÊU CỰC	2,048	58.1	#N/A N/A
VCB	98.6	2,271,490	0	TRUNG TÍNH	365,695	19.8	3.9
VCI	61	1,431,430	-6	TIÊU CỰC	10,102	10.7	2.1
VHM	99.6	5,040,475	0	TRUNG TÍNH	327,636	12.0	3.8
VIB	53.8	904,100	-2	TRUNG TÍNH	59,685	12.9	3.3
VIC	131.5	2,997,965	-4	TIÊU CỰC	444,790	77.9	5.4
VIX	34.35	6,975,135	7	KHẢ QUAN	4,387	6.5	2.1
VJC	127.5	546,485	-5	TIÊU CỰC	66,789	965.3	4.5
VND	34.8	7,296,650	-3	TRUNG TÍNH	7,465	6.4	1.7
VNM	96	3,878,220	-7	TIÊU CỰC	200,636	20.1	6.4
VPB	53	7,630,835	7	KHẢ QUAN	130,102	11.5	2.3
VPI	36.3	1,028,935	-4	TIÊU CỰC	7,260	24.2	2.6
VRE	31.15	6,948,585	-7	TIÊU CỰC	70,783	29.7	2.4

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Ca tử vong Covid-19 tăng kỷ lục, Thái Lan kéo dài hạn cách ly

Giới chức Thái Lan hôm nay báo cáo thêm 2.438 ca nhiễm nCoV và 11 người chết, nâng tổng số ca nhiễm và tử vong trên toàn quốc lên lần lượt 55.460 và 140. Đây là ngày thứ hai liên tiếp nước này ghi nhận số người chết cao kỷ lục trong bối cảnh Thái Lan đang hứng chịu làn sóng Covid-19 thứ ba, một phần do biến chủng nCoV từ Anh. Phát ngôn viên nhóm chuyên trách Covid-19 Thái Lan Taweasin Wisanuyothin cho biết nước này sẽ hoãn cấp giấy tờ nhập cảnh cho người nước ngoài đến từ Ấn Độ, trong khi 131 công dân Thái Lan tại Ấn Độ đăng ký về nước trong tháng 5 vẫn được nhập cảnh. Thời hạn cách ly người nhập cảnh sẽ tăng từ 10 lên 14 ngày cho đến khi tình hình cải thiện, theo quan chức Bộ Y tế Thái Lan.

Thu về hơn 1,7 tỷ USD từ xuất khẩu khẩu trang, đồ bảo hộ

Năm 2020, dưới tác động của đại dịch Covid-19, dệt may là một trong những ngành hàng chịu thiệt hại trực tiếp lớn nhất cùng với ngành du lịch, hàng không, da giày. Năm 2020, cơ cấu xuất khẩu mặt hàng dệt may có sự thay đổi lớn. Các mặt hàng truyền thống như áo jacket, quần, áo các loại và các loại quần áo thời trang, hàng cao cấp giảm xuống. Do đại dịch Covid-19 lan rộng trên toàn cầu từ đầu quý II/2020, nhu cầu mua sắm thời trang trên thế giới đã giảm mạnh, nhường chỗ cho các mặt hàng thiết yếu, các mặt hàng phòng chống dịch bệnh. Trong khi nhiều chủng loại hàng dệt may sụt giảm mạnh thì Covid cũng khiến một số nhóm hàng có mức tăng trưởng xuất khẩu đột biến, giúp ngành dệt may đỡ được đà sụt giảm để mang về hơn 35 tỷ USD, giảm 9,8%. Đây cũng là năm đầu tiên kim ngạch xuất khẩu của ngành dệt may tăng trưởng âm (giảm 9,8%) sau 25 năm tăng trưởng liên tục và kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may đã tụt xuống hàng thứ 3 sau nhóm mặt hàng Điện thoại và Máy vi tính, sản phẩm điện tử - linh kiện.

ACB: nợ xấu ACB tăng 61% trong quý I

Theo BCTC hợp nhất quý I, [ACB](#) ghi nhận thu nhập lãi thuần 4.639 tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ năm 2020. Lãi từ hoạt động dịch vụ tăng 69% đạt 625 tỷ đồng, lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối cũng tăng 37% lên 196 tỷ đồng. Hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh ghi nhận lãi thuần tăng 8 lần đạt 113 tỷ đồng, trong khi lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư chỉ đạt 49 tỷ đồng, giảm 86% so với cùng kỳ. Lãi từ hoạt động khác giảm 39% xuống 49 tỷ đồng. Hết quý I, tổng thu nhập hoạt động ở mức đạt 5.675 tỷ đồng, tăng 30%, với chi phí 1.965 tỷ đồng, giảm gần 17% so với cùng kỳ năm trước. Sau khi, trừ chi phí dự phòng hơn 606 tỷ đồng, tăng hơn 5,5 lần, ngân hàng lãi trước thuế 3.104 tỷ đồng, cao hơn 61% so với quý I/2020. Nợ xấu của ngân hàng ở mức 2.954 tỷ đồng, tăng gần 61% so với cuối năm 2020. Trong đó, nợ nghi ngờ tăng 94% lên 799 tỷ đồng, nợ có khả năng mất vốn tăng 53% lên 1.858 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay tăng từ 0,6% lên 0,92%.

HPG: sắp phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức

Tập đoàn Hòa Phát ([HoSE: HPG](#)) thông báo quyết định HĐQT triển khai chi tiết phương án trả cổ tức năm 2020. Cụ thể, doanh nghiệp sẽ phát hành gần 1,16 tỷ cổ phiếu mới để trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 35% (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu

sẽ nhận 7 cổ phiếu phát hành thêm). Vốn điều lệ Hòa Phát dự kiến tăng lên 44.726 tỷ đồng. Đồng thời, doanh nghiệp trả cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 5%, 1 cổ phiếu nhận 500 đồng. Tổng giá trị tiền mặt dự kiến Hòa Phát chi ra là 1.657 tỷ đồng. Thời gian thực hiện trong tháng 5-7 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Năm 2020, doanh nghiệp ghi nhận 90.118 tỷ đồng doanh thu, tăng 41,5%; lãi sau thuế 13.545 tỷ đồng, tăng 80% nhờ mảng kinh doanh thép và nông nghiệp khởi sắc. Với kết quả đó, cổ đông Hòa Phát chốt phương án chia cổ tức tỷ lệ 40%.

VNM: Lợi nhuận quý I của Vinamilk giảm 6%

Sáng ngày 26/4, tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, bà Mai Kiều Liên, Tổng giám đốc Vinamilk ([HoSE: VNM](#)) đã tiết lộ kết quả kinh doanh quý I. Tổng doanh thu đạt 13.241 tỷ đồng, giảm 7% và thực hiện 21,3% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế 2.597 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước và thực hiện 23% kế hoạch năm. Nguyên nhân lợi nhuận giảm được lãnh đạo Vinamilk lý giải là sức mua trong tháng 1 tốt nhưng qua tháng 2 dịch bệnh tái bùng khiến sức mua giảm. Trong đó, tiêu thụ nội địa không tăng trưởng và xuất khẩu tăng 8%. Vinamilk kỳ vọng diễn biến thị trường từ tháng 4 đến cuối năm sẽ tốt hơn và bù lại vào doanh số, lợi nhuận để hoàn thành kế hoạch. Năm 2021, doanh nghiệp lên kế hoạch doanh thu 62.160 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 11.240 tỷ đồng, lần lượt tăng 4% và đi ngang so với thực hiện năm trước. Lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ là 11.120 tỷ đồng.

DGC: chốt quyền chia cổ tức cổ phiếu tỷ lệ 15%

Công ty Tập đoàn Hóa chất Đức Giang ([HoSE: DGC](#)) thông báo ngày 10/5 là đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2020 tỷ lệ 15% (100 cổ phiếu được nhận thêm 15 cổ phiếu mới). Theo đó, doanh nghiệp dự kiến phát hành 22,5 triệu cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế để trả cổ tức. Vốn điều lệ sau phát hành dự kiến tăng lên 1.710 tỷ đồng. Năm 2020, bất chấp dịch Covid-19, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu tăng 23% lên 6.236 tỷ đồng; lợi nhuận sau thuế 948 tỷ đồng, tăng 66% và vượt 35% kế hoạch năm. Với kết quả này, doanh nghiệp chia cổ tức tỷ lệ 30% gồm 15% tiền mặt (đã tạm ứng) và 15% bằng cổ phiếu.

NT2 báo lãi sau thuế quý I giảm 36%

Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 ([HoSE: NT2](#)) đạt gần 1.650 tỷ đồng doanh thu thuần (doanh thu sản xuất điện) quý I, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu sản xuất điện giảm chủ yếu cho sản lượng điện theo hợp đồng (Qc) giảm 143,9 triệu kWh so với cùng kỳ. Giá vốn hàng bán tăng 1,5% lên khiến lợi nhuận gộp giảm sâu 39,5% xuống còn hơn 148 tỷ đồng. Doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh 251% lên mức hơn 16 tỷ đồng do có lãi từ khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư các khoản phải trả có gốc ngoại tệ với giá trị 14,3 tỷ đồng, lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện 1,8 tỷ đồng (cùng kỳ không có khoản này). Trong khi đó, chi phí tài chính giảm 48,7% xuống 22,9 tỷ đồng chủ yếu do chi phí lãi vay giảm 8,8 tỷ đồng (dư nợ gốc vay nước ngoài giảm theo lịch trả nợ). Quý I, công ty không bị lỗ chênh lệch tỷ giá trong khi cùng kỳ chịu khoản lỗ này là 8,5 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 39,8% xuống còn 22,9 tỷ đồng.

FOX: lãi 443 tỷ đồng quý I, tăng 30%

FPT Telecom ([UPCoM: FOX](#)) công bố BCTC hợp nhất quý I với doanh thu thuần 2.925 tỷ đồng, tăng 10%; lãi sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 443 tỷ đồng, tăng 30% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu tài chính của doanh nghiệp đạt 109 tỷ đồng, tăng 36%; trong khi chi phí giảm 24% xuống 58 tỷ đồng. Lãi tiền gửi của FPT Telecom tăng từ 74 tỷ lên 103 tỷ đồng và có thêm 5 tỷ đồng từ cổ tức, lợi nhuận được chia. Trong khi đó, chi phí tài chính giảm nhờ chi phí lãi vay giảm và giảm lỗ chênh lệch tỷ giá. Tại thời điểm cuối kỳ, công ty có 6.667 đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiền gửi có kỳ hạn), chiếm 41% tổng tài sản

TBC: Quý I lãi 75 tỷ đồng, cao gấp hơn 3 lần cùng kỳ

Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà ([HoSE: TBC](#)) đã công bố BCTC quý I với doanh thu và lợi nhuận tăng cao so với cùng kỳ. Cụ thể doanh thu thuần đạt 155,6 tỷ đồng tăng 80% so với cùng kỳ trong khi giá vốn hàng bán chỉ tăng nhẹ nên lợi nhuận gộp đạt 107,7 tỷ đồng cao gấp 2,3 lần so với quý I/2020. Trong kỳ doanh thu tài chính đạt 3,5 tỷ đồng cao gấp 3 lần cùng kỳ, chi phí tài chính giảm gần 4 tỷ đồng nên kết quả Thủy điện Thác Bà báo lãi sau thuế 74,7 tỷ đồng tăng mạnh so với con số lãi 20 tỷ đồng của quý I/2020, LNST công ty mẹ đạt hơn 69 tỷ đồng tương đương EPS đạt 1.089 đồng. Theo giải trình từ phía công ty nguyên nhân lợi nhuận tăng cao là do tình hình thủy văn thuận lợi lưu lượng nước về hồ tăng đồng thời công ty đã có các chiến lược chào giá phù hợp dẫn đến sản lượng điện thương phẩm tăng 86% so với cùng kỳ. Doanh thu tài chính tăng do doanh thu cổ tức từ các hoạt động đầu tư vốn góp vào các đơn vị trong quý 1 cao hơn cùng kỳ.

CTD: Lợi nhuận quý 1/2021 rơi xuống mức thấp nhất từ năm 2017

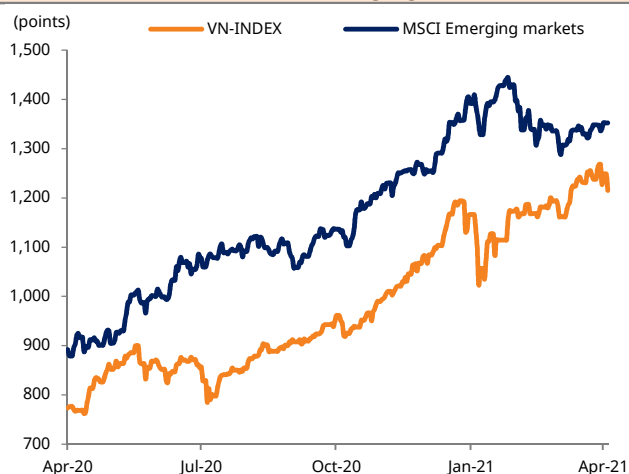
Ghi nhận tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Coteccons (CTD), ban lãnh đạo cho biết quý 1/2021, doanh thu hợp nhất ước đạt 2.568 tỷ đồng, thực hiện 14,7% kế hoạch năm 2021, lợi nhuận sau thuế 54,5 tỷ đồng, bằng 16% kế hoạch cả năm. So với năm 2020, quý đầu năm nay Coteccons giảm 28% doanh thu và 56%. Đây cũng là mức thấp nhất của Coteccons, kể từ sau giai đoạn giảm nhiệt từ năm 2017. Năm 2021, Coteccons lên kế hoạch doanh thu hợp nhất 17.413 tỷ đồng, tăng 20% thực hiện năm trước. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 340 tỷ đồng, tăng 2%. Theo Coteccons, năm nay ngành xây dựng có nhiều cơ hội để vươn lên dựa trên kịch bản tăng trưởng kinh tế 5,6 - 5,8%, dịch bệnh được kiểm soát tốt thì nhu cầu về nhà ở, cao ốc văn phòng, bất động sản nghỉ dưỡng... sẽ tăng trưởng trở lại. Bên cạnh đó, Chính phủ đẩy mạnh đầu tư công làm động lực tăng trưởng cho nền kinh tế, ngành xây dựng hạ tầng sẽ được hưởng lợi. Trong dài hạn, nhu cầu về nhà ở giai đoạn 2021 - 2030 tiếp tục gia tăng, đặc biệt tại khu đô thị.

DPG: Quý 1 lãi 127 tỷ đồng tăng 189% so với cùng kỳ

Cụ thể doanh thu thuần đạt gần 459 tỷ đồng giảm nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái, tuy nhiên giá vốn hàng bán lại giảm mạnh nên lợi nhuận gộp đạt hơn 243 tỷ đồng tăng 84% so với cùng kỳ 2020. Trong kỳ DPG có gần 4 tỷ đồng doanh thu tài chính, chi phí tài chính và chi phí QLDN thấp hơn cùng kỳ trong khi chi phí bán hàng tăng cao gấp hơn 4 lần lên 42,5 tỷ đồng nên kết quả LNST đạt gần 127 tỷ đồng tăng 189% so với cùng kỳ trong đó LNST công ty mẹ là hơn 97 tỷ đồng tương đương EPS đạt 2.193 đồng. Năm 2021, DPG lên kế hoạch doanh thu thuần 2.756 tỷ đồng, lãi sau thuế 368 tỷ đồng và lãi sau thuế của công ty mẹ 283 tỷ đồng; lần lượt tăng 30%, 56% và 45% so với thực hiện năm trước. Như vậy với

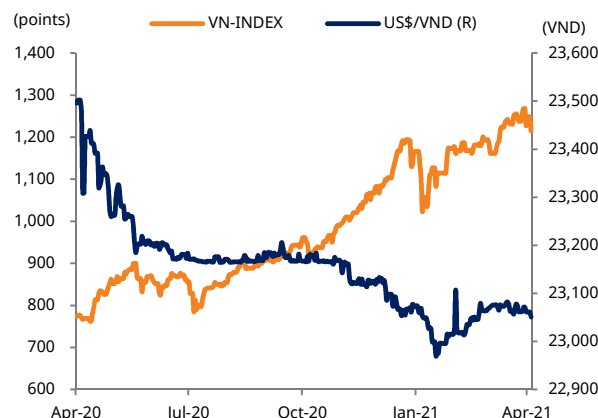
kế hoạch này kết thúc quý 1 DPG đã hoàn thành được 16,6% mục tiêu về doanh thu và 34% mục tiêu về lợi nhuận.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



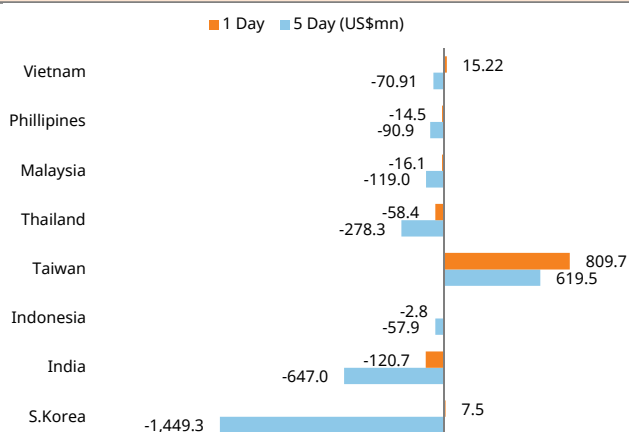
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



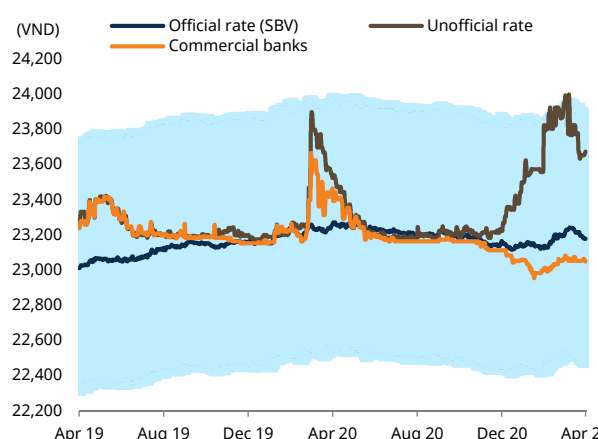
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



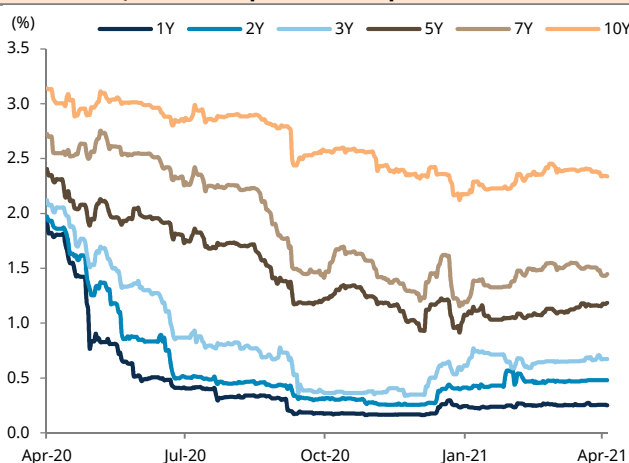
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



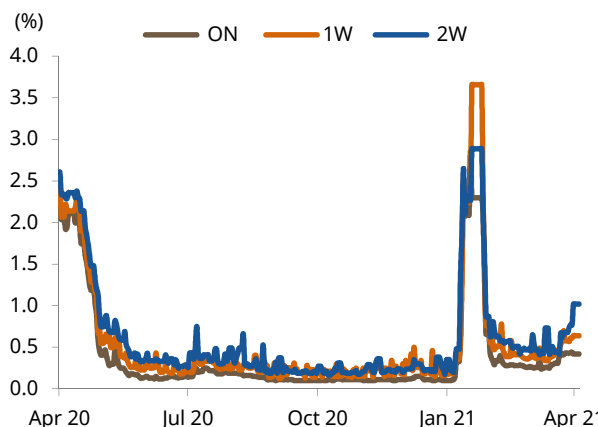
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,275.04	3,317,646		-2.0	-0.1	9.2	75.9	13.5	11.3	2.4	2.1	18.3	20.2	19.6	19.4
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	40,500	162,892	16.9	-3.6	-3.6	-3.8	12.5	16.5	11.6	1.8	1.5	70.1	41.8	11.9	15.4
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	57,400	42,609	27.3	-2.7	-0.9	-1.7	22.1	24.8	21.0	2.0	1.9	11.5	18.2	8.2	9.5
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	39,700	147,819	26.1	-3.9	-5.5	1.7	106.8	8.4	7.6	1.5	1.3	28.4	10.0	19.5	19.0
CTCP FPT	FPT VN	81,000	63,918	49.0	-2.4	1.6	6.4	82.6	16.2	13.7	3.5	3.0	21.6	18.1	24.4	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	81,500	155,987	2.6	-5.2	-5.2	-8.6	25.2	15.3	14.7	3.0	2.8	32.1	4.3	19.5	19.7
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	26,500	42,235	17.0	-1.5	-0.6	2.9	112.3	7.8	6.5	1.6	1.3	28.2	19.0	20.4	20.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	55,100	182,562	30.4	-2.3	0.9	19.3	199.2	9.2	8.5	2.3	2.1	55.5	8.8	28.0	24.4
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	34,500	19,279	32.9	-2.3	9.9	15.0	76.7	15.8	12.0	2.2	1.9	6.2	31.8	15.2	17.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	29,600	82,843	23.0	-2.3	-2.0	7.6	114.0	8.0	6.7	1.5	1.2	24.1	19.7	19.8	20.1
Tập đoàn Masan	MSN VN	95,000	111,595	32.7	-5.0	-5.1	10.6	59.7	40.6	24.6	5.9	4.7	122.1	64.8	13.8	20.5
CTCP Thế giới di động	MWG VN	142,500	67,749	49.0	-3.4	6.3	9.6	71.7	13.6	10.8	3.3	2.8	21.3	25.2	27.6	27.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	114,400	113,374	7.1	6.9	5.9	43.9	118.3	28.6	22.2	3.7	3.1	0.5	29.2	13.5	15.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	74,200	36,119	2.7	5.6	16.7	34.8	340.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	49,950	62,128	16.2	-2.1	-5.4	-10.6	20.8	17.2	15.3	2.7	2.6	323.9	12.6	16.5	17.2
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	95,000	21,600	48.8	-1.0	4.5	11.9	59.7	17.4	13.6	3.7	3.0	26.9	27.3	22.6	23.8
TCT Điện Lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,100	28,337	3.6	-4.0	-8.3	-4.7	26.7	13.3	11.2	0.9	0.9	-9.2	19.1	7.4	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	51,300	15,854	49.0	-1.9	0.6	-5.0	67.6	8.9	7.6	1.2	1.4	9.8	17.8	14.6	13.0
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	20,550	12,683	8.3	0.7	-6.6	-6.6	46.3	17.6	NA	1.5	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	31,700	20,474	45.9	-3.9	-6.8	2.6	139.2	14.2	13.2	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	22,550	40,672	10.5	0.4	2.0	19.0	147.8	15.5	9.4	1.4	1.2	16.3	66.0	9.7	13.5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	39,450	138,269	22.5	-2.6	-2.5	0.1	130.7	9.3	8.1	1.6	1.3	20.1	15.1	18.2	17.6
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	21,500	8,050	11.7	-3.6	-6.3	-0.5	6.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	27,150	28,009	30.0	-3.0	-2.0	1.7	87.4	6.8	5.2	1.3	1.1	16.8	30.4	23.3	23.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	98,600	365,695	23.3	-5.2	2.4	3.9	43.1	17.1	13.9	3.1	2.6	29.1	23.3	20.6	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	99,600	327,636	22.5	-5.1	-1.4	4.1	53.2	10.7	8.9	2.9	2.2	11.9	20.7	31.0	28.2
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	131,500	444,790	14.5	-4.9	-8.0	17.0	41.4	61.0	52.2	4.8	4.3	27.6	16.7	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	127,500	66,789	19.2	-1.5	-1.2	-2.3	10.7	61.7	21.8	4.1	3.3	1,441.4	182.7	5.2	18.8
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	96,000	200,636	55.6	-3.5	-0.9	-1.4	12.1	18.6	17.0	5.9	5.3	8.3	9.4	34.7	35.1
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	53,000	130,102	23.4	3.9	8.3	22.1	158.5	10.7	9.0	2.0	1.6	15.8	19.3	20.4	19.9
CTCP Vincom Retail	VRE VN	31,150	70,783	30.6	-5.0	-8.2	-3.3	29.8	25.1	19.7	2.3	2.0	18.5	27.5	9.3	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	-32.76	4,673,304	-2.6	-1.9	4.6	56.5	15.0	12.3	2.4	2.1	22.5	22.4	17.8	18.4
Ô tô và phụ tùng	-0.08	7,906	-3.5	-4.0	-3.4	39.5	5.4	5.1	1.0	0.9	34.0	6.3	11.3	10.9
Ngân hàng	-9.06	1,406,755	-2.3	-2.7	6.8	69.2	13.0	10.6	2.0	1.7	27.7	22.4	18.3	18.8
Xây dựng cơ bản	-1.01	173,034	-2.1	-3.1	3.8	81.2	5.3	3.8	0.4	0.4	6.1	34.6	5.2	5.5
Dịch vụ thương mại	-0.02	4,391	-1.6	-3.1	-5.0	26.1	6.2	4.9	NA	NA	31.9	26.2	11.1	12.9
May mặc và trang sức	-0.10	42,522	-0.8	-1.4	8.5	195.7	14.3	11.9	2.9	2.4	31.9	22.8	19.4	18.9
Dịch vụ tiêu dùng	-0.04	8,725	-1.7	-4.5	-2.1	30.5	11.7	4.0	NA	NA	NA	NA	3.5	9.2
Dịch vụ tài chính	-0.53	60,166	-3.2	-4.2	0.1	129.6	9.7	4.5	NA	NA	7.3	7.1	9.1	4.4
Năng lượng	-0.59	78,319	-2.7	-6.3	-10.1	33.3	17.0	14.4	2.3	2.2	NA	17.9	14.2	15.0
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-3.73	517,795	-2.6	-3.9	0.8	28.0	21.9	16.4	4.6	4.0	43.7	25.2	22.7	24.0
Dịch vụ và thiết bị y tế	-0.01	883	-2.6	-3.9	-1.7	50.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	-0.03	12,041	-0.9	-2.2	1.3	1.1	7.2	6.3	1.8	NA	40.5	14.7	24.4	24.4
Bảo hiểm	-0.36	49,294	-2.7	-4.1	-1.3	21.1	22.1	18.7	1.8	1.7	11.5	18.0	7.6	8.7
Nguyên vật liệu	-2.17	387,372	-2.1	-4.2	6.6	162.1	11.5	11.3	1.8	1.2	41.1	4.2	18.4	16.3
Giải trí và truyền thông	0.01	1,942	2.5	6.7	-10.6	-23.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.05	34,598	0.2	1.4	26.5	159.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	-10.20	1,189,038	-0.5	0.6	-1.2	20.9	9.3	8.2	1.7	1.6	14.4	11.0	9.8	9.9
Bán lẻ	-0.67	76,011	-3.0	-5.7	12.6	66.5	30.7	25.7	3.2	2.7	24.8	35.6	14.2	14.9
Phần mềm và dịch vụ	-0.44	67,998	-3.2	-0.2	8.6	69.4	12.6	10.1	3.0	2.5	34.2	25.2	25.2	25.4
Thiết bị và phần cứng	-0.04	4,769	-2.3	-2.1	5.8	79.8	15.2	12.9	3.3	2.9	25.7	18.0	23.0	24.2
Dịch vụ viễn thông	-0.01	1,162	-2.7	-7.4	-3.6	366.0	12.2	10.1	3.2	2.6	46.8	20.0	27.0	27.7
Vận tải	-0.96	166,965	-4.6	-7.6	-4.8	273.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-2.78	240,657	-2.1	-3.7	-4.7	24.8	27.3	10.5	4.5	3.7	NA	73.3	-18.4	10.9

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
NVL VN	114,400	6.9	2,559,000	2.0
VPB VN	53,000	3.9	18,067,600	1.3
PDR VN	74,200	5.6	5,039,200	0.5
SSB VN	26,800	2.7	578,000	0.2
LPB VN	20,700	3.0	15,801,900	0.2
VIB VN	53,800	0.9	994,200	0.1
APH VN	52,900	3.9	1,493,500	0.1
HAG VN	5,330	5.8	23,731,600	0.1
LGC VN	62,800	1.8	800	0.1
KBC VN	37,500	1.1	4,241,000	0.1

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	131,500	-4.9	2,434,500	-6.1
VCB VN	98,600	-5.2	3,595,400	-5.3
VHM VN	99,600	-5.1	8,982,600	-4.7
GAS VN	81,500	-5.2	1,072,100	-2.3
VNM VN	96,000	-3.5	5,045,600	-1.9
BID VN	40,500	-3.6	3,328,300	-1.6
CTG VN	39,700	-3.9	12,681,700	-1.6
MSN VN	95,000	-5.0	3,744,400	-1.6
HPG VN	55,100	-2.3	25,156,400	-1.1
VRE VN	31,150	-5.0	11,318,300	-1.0

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.